

GÓP THÊM Ý KIẾN VỀ GIÁ TRỊ CỦA BỘ LUẬT HỒNG ĐỨC

TRẦN THỊ THANH THANH*

Trong quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước trung ương tập quyền, các hoạt động lập pháp của triều Lê đã được chú trọng và thể hiện trên nhiều mặt của đời sống xã hội. Quá trình xây dựng hệ thống pháp luật được bắt đầu ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi (1427) và bước hoàn thiện căn bản là sự ra đời của bộ *Quốc triều hình luật*, còn được gọi là Bộ luật Hồng Đức.

Khi chiến tranh vừa kết thúc, trong tình hình xã hội nhiều rối loạn, chồng chất khó khăn, Lê Lợi bàn ngay việc định pháp luật, nói rõ mục đích rằng: “Từ xưa tới nay, trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Cho nên học tập thời xưa đặt ra pháp luật là để dạy các tướng hiệu, quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ biết thế nào là thiện, là ác, điều thiện thì làm, điều chẳng lành thì tránh, chớ để đến nỗi phạm pháp”¹. Trong triều Lê Thái Tổ (1428-1433), nhà nước đã ban hành các điều luật đầu tiên về hành chính và ổn định xã hội, các lệnh về kiện tụng, hình phạt, phân chia ruộng đất công làng xã. Những kẻ phạm tội lười biếng, tụ tập cờ bạc uống rượu bị trừng trị rất nặng “đánh bạc bị chặt 5 ngón tay, đánh cờ bị chặt 1 phân ngón tay, vô cớ tụ tập uống rượu bị xử phạt 100 trượng”²... Đây là những cơ sở lập pháp ban đầu để các triều vua sau tập hợp, bổ sung thành hệ thống và xây dựng nên bộ luật hoàn chỉnh của vương triều.

Dưới triều Lê Thái Tông (1433-1442), một số quy tắc xét xử kiện tụng, một số điều luật cấm hối lộ đã được ban hành thêm, bắt buộc các hình quan khi xét xử phải dựa vào luật: “Khi xử án phải căn cứ vào các điều chính trong luật mà xét xử, còn căn cứ vào điều nào để xử một tội nào thì phải tham khảo luật hình rồi trình cho đại thần thái giám, đài quan và 5 đạo cùng nhau xem xét, nếu các quan ấy đều cho là phải thì sau mới quyết định. Đó là vì việc kiện tụng có thể có oan khuất, cho nên phải xét lại cho rõ ràng”.

* TS, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSB Tp.HCM

¹ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1998, *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, tập II, tr. 291.

² *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập II, tr. 298.

Năm 1434, vua Thái Tông có lệnh cho tất cả quan văn võ ở địa phương về trình tự xét xử các vụ kiện tụng: "Phép trị nước lấy hình pháp gọn nhẹ làm gốc. Trẫm thấy quân nhân đều tâu báo vượt cấp, câu kết nhau để đi kiện người, bỏ phế mọi việc của dân, quấy rối triều đình, không gì tệ hơn. Từ nay quân hay dân nếu có vụ kiện nhỏ thì tới xã quan của xã mình mà trình bày, xã quan không giải quyết được mới lên huyện, huyện không giải quyết được mới lần lượt lên lộ, lên phủ, phủ không giải quyết được thì bấy giờ mới được tâu lên. Các vụ kiện ruộng đất cũng thế. Các quan xét xử phải giữ phép công bằng, không được nhận đút lót mà làm sai để có người bị oan uổng..."¹.

Một số luật lệ về thủ tục hành chính cũng được ban hành, như trình tự chuyển đưa giấy tờ và tâu sớ từ địa phương tới trung ương, việc kiểm soát và cấp giấy thông hành cho dân chúng: "Khi có người tới kinh làm việc, nếu là quân thì phải có tướng hiệu, là dân thì phải có quan lộ huyện chuyển đưa lên. Nếu là các quan đi việc công hay tư thì lấy giấy tờ ở huyện mình...Tuần kiểm các trấn và người kiểm soát các nơi dọc đường thủy, đường bộ cần phải xét hỏi rõ ràng, người nào không có giấy thông hành thì phải ngăn lại không cho đi..."².

Trong thời Lê Nhân Tông (1442-1459), triều đình ban hành nhiều điều luật về quyền lợi của quan lại và quân lính, cấm quan lại và dân không được chiếm đất công để đào ao, làm vườn tược nhà cửa, lệnh cho võ quan trông coi các vệ quân phải luôn điễm danh chính đốn vũ khí, luyện tập võ nghệ, không được bắt quân lính đóng góp hay sai quân lính làm việc riêng³.

Năm 1449, Lê Nhân Tông ban hành thêm 14 điều vào bộ Hình luật. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có đoạn: "bổ sung mới vào hình luật chương điền sản gồm 14 điều. Trước kia Thái Tổ định thực hiện phép quân điền, cho nên lược bỏ chương điền sản. Đến đây lại bổ sung vào"⁴. Chế độ quân điền được Lê Thái Tổ nêu lên vào tháng 2 năm Kỷ Dậu (1429), có thể cho rằng ngay từ năm 1428, nhà Lê đã có bộ luật của mình. Trong 14 điều bổ sung có nội dung về việc chia tài sản của chồng cho vợ cả, vợ lẽ, chia tài sản của cha mẹ cho con vợ cả, con vợ lẽ,

¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập II, tr. 318.

² *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập II, tr. 320.

³ *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập II, tr. 382.

⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập II, tr. 376.

con nuôi, việc thừa kế đất hương hỏa và đất dưỡng già, việc bán đợ, chuộc đất, việc cấm tranh chiếm ruộng đất tư...¹ cho thấy lần đầu tiên việc thừa kế tài sản trong gia đình, việc bảo vệ ruộng đất tư nhân đã được nêu thành pháp lệnh của nhà nước.

Trong thời Lê Thánh Tông (1460-1497) thực hiện ý tưởng của vua Lê Thái Tổ "trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn"², triều đình ban hành nhiều luật lệ về việc trừng trị các hành vi chống đối làm nguy hại đến nền an ninh quốc gia, bảo vệ tôn ty, trật tự xã hội và đạo đức phong kiến, ban hành hàng loạt quy chế hoạt động của nhà nước... Những luật lệ về điền sản cho thấy nhà nước thời này đã bảo vệ tục chia gia tài, chia ruộng đất cho con cái không phân biệt con trưởng, con thứ, con gái, con trai, nhưng phân biệt phần của con nuôi, con vợ lẽ, con nàng hầu... bảo vệ quyền tư hữu ruộng đất qua những quy định xét xử các hành vi xâm phạm quyền tư hữu đó.

Với những hoạt động lập pháp nói trên, triều Lê đã có những thành tựu đáng kể trên lĩnh vực pháp luật và điển chế, xây dựng được một hệ thống pháp luật khá hoàn chỉnh. Theo thứ tự thời gian, có thể kể một số công trình tiêu biểu sau: 1/ *Quốc triều hình luật*, bộ luật hình của triều Lê, gồm 6 quyển; 2/ *Luật thư* gồm 6 quyển do Nguyễn Trãi soạn (1440-1442); 3/ *Quốc triều luật lệnh* gồm 6 quyển do Phan Phu Tiên soạn (1440-1442); 4/ *Quốc triều thư khế thể thức* (1468-1471); 5/ *Lê triều quan chế* (1471); 6/ *Thiên Nam dư hạ tập* gồm 100 quyển (1483); 7/ *Hồng Đức thiện chính thư* (1470 -1497), *Sĩ hoạn châm quy* (1470 -1497)...

Quốc triều hình luật được coi là bộ luật hoàn chỉnh và quan trọng nhất của triều Lê, là "tập đại thành" của toàn bộ nền pháp luật thời Lê, qua nhiều lần được san định, bổ sung, hoàn chỉnh. Cho đến nay, vẫn có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm khởi thảo của bộ luật này. Có ý kiến cho rằng bộ luật được ban hành vào thời Lê Thánh Tông (năm 1483, niên hiệu Hồng Đức) trên cơ sở tổng hợp, bổ sung, hoàn chỉnh các điều luật và các văn bản pháp luật đã được triều Lê ban

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch, Nhà xuất bản Giáo dục, 1998, tập I, tr. 963 - 966

² *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập II, tr.291.

hành trong các đời vua trước đó¹. Cũng có ý kiến cho rằng *Quốc triều hình luật* đã được soạn thảo rồi ban bố ngay từ triều Lê Thái Tổ, và liên tục được các triều vua kế tiếp bổ sung, hoàn thiện, trong đó có những đóng góp to lớn của vua Lê Thánh Tông. Đồng thời, có thể có mối liên hệ kế thừa giữa bộ luật này với bộ luật thời Trần và một số bộ sách được biên soạn cùng thời như Luật thư (6 quyển) của Nguyễn Trãi và Quốc triều luật lệnh (6 quyển) của Phan Phu Tiên, đều được hoàn thành trong khoảng thời gian 1440 -1442².

Quốc triều hình luật có 722 điều được chia thành 6 quyển, mỗi quyển gồm nhiều chương. Có tất cả 10 chương: Danh lệ (Tên gọi luật lệ), Vệ cấm (Canh giữ bảo vệ), Vi chế (Làm trái pháp luật), Quân chính (Luật về quân đội), Hộ hôn (Hôn nhân gia đình), Điền sản (Tài sản ruộng đất), Thông gian (Gian dâm), Đạo tặc (Trộm cướp), Đấu tụng (Đánh nhau kiện cáo), Trá nguy (Gian dối), Tạp luật (Luật về nhiều thứ), Bộ vong (Bắt tội phạm trốn), Đoán ngục (Xử án).

Nhiều nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã khẳng định rằng mặc dầu có sự mô phỏng và chịu ảnh hưởng nền pháp luật phong kiến Trung Hoa, *Quốc triều hình luật* vẫn có sự sáng tạo mang tính cách Việt Nam, là một thành tựu có giá trị đặc biệt trong lịch sử pháp luật Việt Nam.

Quốc triều hình luật trước hết là bộ luật bảo vệ nền thống trị của triều đại, quyền lợi của vua và hoàng tộc, bảo vệ sự tồn vong của nhà nước phong kiến và những trật tự kỷ cương xã hội theo quan điểm Nho giáo. Một trong những quy định đầu tiên được luật đề cập là *Thập ác*, mười tội được coi là nguy hiểm nhất: mưu phản, mưu đại nghịch, mưu chống đối, bắt kính, bắt hiếu, bắt nghĩa...³, bị

¹ Xin xem: Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sđd; PHAN HUY LÊ, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr. 159 - 160; ĐINH GIA TRINH, *Sơ thảo lịch sử nhà nước và pháp quyền Việt Nam*, tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1968, tr. 156; Vũ Văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam lược khảo*, phần I, Sài Gòn 1970, tr.125...

² Lời nói đầu của bản dịch *Quốc triều hình luật*, Viện Sử học, Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1991, tr. 15 - 17. Các điều luật được xét đến sau đây đều dẫn từ sách này.

³ *Thập ác*: Mười tội ác (1/Mưu phản: mưu cướp ngôi, làm nguy đến xã tắc ; 2/ Mưu đại nghịch: mưu phá hủy tông miếu, lăng tẩm, cung điện nhà vua; 3/ Mưu bạo: mưu chống đối, phản nước theo giặc; 4/Ác nghịch: đánh và mưu giết ông bà, cha mẹ, họ hàng thân tộc...5/ Bắt đạo: giết một lúc nhiều người không đáng tội chết, giết người đã man, bỏ thuốc độc bùa mê; 6/ Đại bất kính: ăn trộm đồ thờ trong lăng miếu, đồ dùng của nhà vua, làm giả ấn tín của vua, phạm tới sức khỏe của vua, chỉ trích vua...7/ Bất hiếu: tố cáo, rủa mắng ông bà cha mẹ, trái lời cha mẹ dạy bảo, nuôi nấng cha mẹ thiếu thốn, có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi ăn mặc như thường...8/ Bất mục: giết hay đem bán những người thân tộc, phụ nữ đánh đập và tố cáo

trừng trị ở mức hình phạt cao nhất, bất cứ người nào phạm một trong mười tội này đều bị xử tử, dù người đó thuộc hạng *Bất nghị*¹ cũng không được chiếu cố, không được chuộc tội bằng tiền, không được miễn giảm khi có lệnh ân xá (Chương Danh lệ).

Những hành vi xâm phạm an ninh và biên giới quốc gia đều bị cấm và phạt (Chương Vệ cấm). Luật quy định xử chém những người bán ruộng đất ở bờ cõi hoặc vũ khí cho người nước ngoài (Điều 74, 75), xử chém những kẻ tiết lộ bí mật quốc gia (Điều 79)...

Trong gia đình, luật đề cao vai trò và quyền lực của người cha, người chồng, vợ cả, con trưởng (Chương Hộ hôn, Điền sản). Người đàn ông có nhiều quyền, còn người phụ nữ phải gánh nhiều nghĩa vụ. Người vợ ở địa vị thấp kém hơn chồng, phải "gánh vác giang sơn nhà chồng", phải phục tùng chồng, chồng chết phải để tang 3 năm mới được tái giá, không được tự ý bỏ nhà chồng... Trong khi đàn ông được quyền có nhiều vợ, phụ nữ bị phạt nặng nếu không chung thủy. Người phụ nữ nếu đánh chồng bị phạt lưu đày, trong khi người chồng đánh vợ đến bị thương vẫn được xử nhẹ hơn đánh người thường 3 bậc (Chương Hộ hôn).

Bộ luật có những nét phản ánh thực tế xã hội Việt Nam, phản ánh những vấn đề liên quan đến đạo lý, thuần phong mỹ tục truyền thống của dân tộc. Ba tội "bất hiếu", "bất mục", "nội loạn" trong Thập ác phù hợp với yêu cầu gìn giữ đạo hiếu và trật tự của gia đình Việt Nam. Trong *Bất nghị* thì "nghị cần", "nghị năng", "nghị hiền" phù hợp với truyền thống quý người tài, trọng người tận tụy siêng năng việc nước.

Truyền thống nhân ái, tôn trọng người già, "tôn sư trọng đạo" được thể hiện phần nào trong một số điều luật. Người già từ 90 tuổi trở lên, trẻ con từ 7 tuổi trở

chồng...9/ *Bất nghĩa*: dân giết quan đương tại nhiệm, trò giết thầy học, vợ không làm tang lễ cho chồng, chồng chết lại vui chơi ăn mặc như thường, cãi giá; 10/ *Nội loạn*: gian dâm với người trong họ, hoặc với thê thiếp của ông cha).

¹ *Bất nghị*: Tám điều được nghị xét giảm tội (1/ *Nghị thân*: họ hàng tôn thất nhà vua trong 3 thế hệ, họ hàng của hoàng thái hậu, hoàng hậu; 2/ *Nghị cố*: những người cố cựu, đã theo giúp vua lâu ngày, hoặc những người giúp việc từ triều trước; 3/ *Nghị hiền*: những người có đức hạnh lớn; 4/ *Nghị năng*: những người có tài năng lớn; 6/ *Nghị công*: những người có công lao lớn; 6/ *Nghị quý*: những quan viên có chức từ tam phẩm trở lên hay có tước từ nhị phẩm trở lên; 7/ *Nghị cần*: những người cần cù chăm chỉ; 8/ *Nghị tân*: những người là con cháu các triều trước).

xuống không bị hành hình dầu có phạm tội chết (Điều 16). Người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và người phế tật nếu phạm tội đều không bị tra tấn (Điều 665). Con cháu có thể chịu thay cho ông bà, cha mẹ các hình phạt nhẹ như đánh bằng roi, đánh bằng gậy (Điều 38). Đàn bà có thai dù phạm tội tử hình cũng để sau khi sinh 100 ngày mới đem xử tội (Điều 680). Học trò đánh hoặc lăng mạ thầy học thì bị xử nặng, đánh chết thì phải tội chém (Điều 489).

Một số điều khoản quan tâm đến đời sống lương dân phản ánh phần nào tính "thân dân" của chính quyền do nhu cầu phải dựa vào dân trong hoàn cảnh giữ nước và dựng nước vốn có từ các triều đại trước. Những quan chức không lo "hưng lợi trừ hại cho dân", để trộm cướp hoành hành, để dân lành phải tha phương cầu thực, không chăm sóc người cô quả, đói nghèo, tật bệnh trong địa hạt mình cai trị, không lo đốc thúc việc nông tang và bảo vệ mùa màng...đều bị trừng phạt từ bãi chức đến lưu đày, khổ sai. Quan lại sẽ bị phạt từ bãi chức đến lưu đày hoặc bị chém nếu cố ý làm trái chiếu chỉ của vua, ăn hối lộ, tham nhũng, bóc lột sách nhiễu dân, bắt dân đóng góp, ức hiếp chiếm đoạt tài sản và ruộng đất của dân, lấy đàn bà con gái nơi cai trị...(các chương Vệ cấm,Vi chế, Hộ hôn, Điền sản...).

Triều Lê còn cấm những hành động phạm pháp đối với người miền núi, người dân tộc thiểu số (Điều 72), tôn trọng luật tục của họ nhưng vẫn bảo vệ pháp luật chung: "Những người miền thượng du cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xứ ấy mà định tội. Những người thượng du phạm tội với người trung châu thì theo luật mà định tội" (Điều 40).

Điểm đặc biệt có ý nghĩa tiến bộ là trong một số trường hợp, bộ luật đã phần nào xác nhận địa vị, quyền lợi của người phụ nữ trong hôn nhân gia đình và sở hữu tài sản. Luật cấm bội ước sau khi đính hôn (Điều 315), con gái thấy chồng chưa cưới có ác tật có thể kêu lên quan xin trả lại sính lễ (Điều 322), người vợ có quyền xin ly hôn nếu bị chồng bỏ rơi 5 tháng (Điều 308). Khi ly hôn, người vợ được quyền hưởng phần tài sản riêng của mình và được chia một phần tài sản chung do vợ chồng cùng tạo nên (Điều 374, 375). Trong gia đình, con gái được quyền kế thừa gia tài, được chia tài sản bình đẳng như con trai (Điều 388), nếu gia đình không có con trai, con gái trưởng được quyền kế thừa hương hỏa (Điều 391, 395). Luật có một số điều khoản bảo vệ tính mạng và nhân phẩm của người con gái (Điều 402, 403, 404...)

Giá trị nhân văn, giá trị xã hội lâu dài của bộ luật Hồng Đức được phản ánh trong việc kế thừa của nhà làm luật triều Nguyễn sau này. Chẳng hạn, về những điều luật quan tâm, bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ: Trong bộ luật Hồng Đức có Điều 309 buộc người chồng phải tôn trọng thứ bậc của người vợ trong gia đình: “Ai lấy nàng hầu lên làm vợ thì xử tội phạt, vì quá say đắm nàng hầu mà thờ ơ với vợ thì xử tội biếm (phải có vợ thừa thì mới bắt tội)”, nhà làm luật triều Nguyễn soạn trong Hội điển điều tương tự: “Phàm kẻ nào đem vợ cả làm vợ lẽ phải phạt 100 trượng. Vợ cả còn sống mà đem vợ lẽ làm vợ cả, phải phạt 90 trượng”¹. Hoặc, trong bộ luật Hồng Đức có Điều 308 quy định: “Phàm người chồng bỏ lửng vợ 5 tháng không đi lại (vợ được trình lên quan sở tại và xã quan làm chứng) thì mất vợ. Nếu vợ đã có con thì cho hạn 1 năm. Vì việc quan phải đi xa không theo luật này. Nếu đã bỏ vợ mà lại ngăn cản người khác lấy vợ cũ thì phải tội biếm”, nhà làm luật triều Nguyễn soạn trong Hội điển điều tương tự: “Phàm người vợ nào không phạm vào 7 điều phải bỏ và không có điều gì đối với nhà chồng mà người chồng tự tiện bỏ thì [người chồng] phải phạt 80 trượng” “Người con gái mà nhà trai ước hẹn xin cưới đến năm năm rồi, người con gái không có lỗi mà nhà trai không cưới hay người đàn bà chồng bỏ ba năm không thấy về, cho phép báo lên quan trên xin cấp cho giấy tờ làm bằng cố đi lấy chồng khác nhưng không phải trả lại tiền sính lễ”².

. Trong các điều 402, 403, bộ luật Hồng Đức xử từ tội đồ, lưu đến tội chết các hành vi cưỡng dâm, đặc biệt cấm cưỡng dâm bé gái, bảo vệ tính mạng và phẩm tiết của người phụ nữ, nhà làm luật triều Nguyễn chép trong Hội điển điều tương tự: “Đàn bà con gái muốn giữ lòng trinh tiết, mà kẻ nào dùng bạo lực để hiếp dâm, đúng thực có người nghe thấy, cùng là làm tổn thương đến da thịt, thân thể, xé rách quần áo, các tình trạng như thế thì tính dâm ác quả là quá lắm; nếu đã gian dâm được thì kẻ gian phu xử tội trăm đem hành hình ngay; nếu chưa gian dâm được thì xử phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm” “người nào đã hết tang chồng, thực tâm muốn giữ tiết ở lại mà ông bà cha mẹ người ấy và ông bà cha mẹ chồng bắt buộc lấy người khác thì [họ] phải phạt 80 trượng”³.

¹ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, bản dịch, Nhà xuất bản Thuận Hoá, 1993, Tập11, tr 303.

² *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sđd, tr. 314-316.

³ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sđd, tr. 306

Hoặc trong Điều 306, Bộ luật Hồng Đức quy định xử phạt 70 trượng, biếm ba tư và bãi chức đối với quan lại lấy đàn bà con gái trong hạt mình cai trị, trong Điều 338 phạt tội biếm hay tội đồ những nhà quyền thế ức hiếp lấy con gái kẻ lương dân, nhà làm luật triều Nguyễn chép về những nội dung này như sau: “Phàm các phủ huyện châu là quan thân dân, lấy đàn bà, con gái nhà dân trong hạt mình cai trị làm vợ cả vợ lẽ phải phạt 80 trượng. Nếu quan giám lâm (kể cả thượng ty bên trong, bên ngoài) lấy vợ cả vợ lẽ và con gái người đương có việc (hiện đang xét hỏi) làm vợ cả vợ lẽ của mình thì phạt 100 trượng (...) kẻ cường hào dùng thế lực cưỡng đoạt vợ và con gái nhà tử tế để thông gian hay chiếm làm vợ cả, vợ lẽ của mình, thì phải tội giảo (giam hậu); người đàn bà con gái ấy trả về cho thân nhân”¹ v.v...

Theo nhiều nhà nghiên cứu, đó là những điều luật độc đáo xuất phát từ thực tế xã hội Việt Nam, là những nội dung tiến bộ và giá trị đặc sắc của bộ luật, là sự vận dụng Nho giáo trên tinh thần dân tộc và sáng tạo².

Như vậy, *Quốc triều hình luật* hay bộ luật Hồng Đức là tài liệu phản ánh ý chí thống trị của dòng họ Lê, củng cố chế độ quân chủ quan liêu, nhưng đồng thời đã đánh dấu một trình độ phát triển cao của tư tưởng pháp luật Đại Việt, mang những giá trị nhân văn, nhân đạo sâu sắc, phản ánh một cách phong phú, đa dạng đời sống và tập quán của xã hội Đại Việt trong thế kỷ XV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Quốc triều hình luật* (1991), bản dịch, Viện Sử học, Nxb Pháp lý, Hà Nội
- [2]. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3]. Quốc sử quán triều Nguyễn (1991) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch, Nhà xuất bản Giáo dục, 1998.
- [4]. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, bản dịch, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế.

¹ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sđd, tr. 309-313.

² Phan Huy Lê, *Tìm về cội nguồn*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 1999.

Tóm tắt:**Góp thêm ý kiến về giá trị của Bộ luật Hồng Đức**

Quốc triều hình luật hay bộ luật Hồng Đức thể hiện một trình độ phát triển cao của tư tưởng pháp luật Đại Việt, mang những giá trị nhân văn, nhân đạo sâu sắc, phản ánh một cách phong phú, đa dạng đời sống và tập quán của xã hội Đại Việt trong thế kỷ XV.

Abstract**More opinions contributing to the *Bộ luật Hồng Đức*****(Le Dynasty's Criminal Law)**

Bộ luật Hồng Đức (Le Dynasty's Criminal Law) expresses a high level of law ideology. It has profound humanity values, and reflects the diversity in the life and customs of Đại Việt society in the fifteenth century.